

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG RIỀNG  
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 148/2024/DS-ST

Ngày: 29 - 05 - 2024

V/v tranh chấp hợp đồng  
vay tài sản

**NHÂN DANH**

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Ngọc Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Cẩm Bình

Ông Huỳnh Hoàng Nam

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Nguyễn Thị Diễm Thuý

Trong ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2024/TLST-DS ngày 18 tháng 1 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 141/2024/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) H. Địa chỉ: Lầu 8, 9, 10, Tòa nhà G, số 24C P, phường 6, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

**Người đại diện theo pháp luật:** Ông Nguyễn Hữu N – Chức vụ: Tổng Giám đốc.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Phạm Gia H – Chức vụ: Trưởng phòng Thu hồi nợ gián tiếp công ty Tài chính TNHH H.

**Người đại diện tham gia tố tụng:** Anh Đàng Thanh P – Chức vụ: Chuyên viên pháp lý tố tụng. Theo Giấy ủy quyền ngày 21/10/2022 (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- **Bị đơn:** Chị Dương Thị Lệ H, sinh năm 1989 (vắng mặt). Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn anh Đào Thanh P trình bày:*

Ngày 27/11/2013, bà Dương Thị Lệ H đã ký Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001077243 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn (TNHH) H (sau đây gọi tắt là Công ty H). Theo Hợp đồng, bà H đã vay số tiền 25.000.000 đồng (*bằng chữ: Hai mươi lăm triệu đồng*), để mua xe máy nhãn hiệu Honda Air Blade, biển kiểm soát 68G1-176.51, số khung 4609DY280834, số máy F46E-4145180. Theo đó, vào ngày 20 hàng tháng, bà H phải thanh toán cho Công ty H 2.083.319 đồng (*bằng chữ: Hai triệu không trăm tám mươi ba ngàn ba trăm mười chín đồng*) liên tục trong 18 kỳ trả góp bắt đầu từ ngày 20/12/2013 đến ngày 20/05/2015.

Tính đến ngày khởi kiện, bà H đã chậm thanh toán cho Công ty H 15 kỳ trả góp tương ứng với 31.677.728 đồng (*bằng chữ: Ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng*) bắt đầu từ kỳ 04.

Kể từ thời điểm xảy ra sự kiện vi phạm nghĩa vụ thanh toán nêu trên, Công ty đã nhiều lần liên lạc và yêu cầu bà H thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng bà H không thanh toán theo thỏa thuận hợp đồng.

Nay Công ty H yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau đây đối với Bà H:

1. Hoàn trả cho H toàn bộ số tiền gốc chưa thanh toán là 21.766.051 đồng (*bằng chữ: Hai mươi một triệu bảy trăm sáu mươi sáu ngàn không trăm năm mươi một đồng*);

2. Thanh toán tiền lãi chưa thanh toán theo Hợp đồng là 5.975.704 đồng (*Bằng chữ: Năm triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn bảy trăm lẻ bốn đồng*);

3. Thanh toán tiền lãi quá hạn do vi phạm nghĩa vụ thanh toán là 3.935.973 đồng (*bằng chữ: Ba triệu chín trăm ba mươi lăm ngàn chín trăm bảy mươi ba đồng*).

Tổng số tiền bà H phải thanh toán một lần cho Công ty H là 31.677.728 đồng (*bằng chữ: Ba mươi một triệu sáu trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm hai mươi tám đồng*).

Bị đơn chị Dương Thị Lệ H đã được Tòa án triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không có văn bản trình bày ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử không ghi nhận được ý kiến.

Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, quá trình tranh tụng tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, buộc bà H phải trả cho H toàn bộ số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 20/5/2024 cụ thể như sau: Nợ gốc là 21.766.051 đồng; lãi trong hạn là 5.975.704 đồng; lãi quá hạn là 3.935.973 đồng. Tổng số tiền là 31.677.728 đồng.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định:*

[1] Về thủ tục tố tụng: Công ty H khởi kiện yêu cầu bà Dương Thị Lệ H trả nợ gốc, nợ lãi theo thỏa thuận cho vay đã ký kết, giữa Công ty với bà H, mục đích cho vay là mua xe máy, đây là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã L, huyện G, tỉnh Kiên Giang nên theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự

Về sự vắng mặt của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã được Tòa án cấp tổng đạt và triệu tập hợp lệ đến tham gia tố tụng nhưng bà H vắng mặt không lý do và tại phiên tòa nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, sự vắng mặt của đương sự không làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty H, xét thấy theo thỏa thuận tín dụng số 2W001077243, ngày 27 tháng 11 năm 2013 giữa Công ty H với bà Dương Thị Lệ H đã ký kết là hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký

kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự phù hợp với các quy định của pháp luật nên Tòa án công nhận thỏa thuận tín dụng được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Thời điểm ký kết hợp đồng vay tiền thì Công ty H và Công ty K, bà H đã thực hiện ký Thỏa thuận tín dụng tài trợ xe gắn máy số 2W001077243 ba bên ngày 27/11/2013. Theo hợp đồng bà H mua hàng hóa là 01 xe Honda Air Blade với số tiền 39.300.000 đồng. Theo đó Công ty H đã thực hiện trả cho Công ty K số tiền 25.000.000 đồng (bà H vay của Công ty số tiền 25.000.000 đồng). Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi theo thỏa thuận của hợp đồng từ ngày 20/03/2014 đến ngày 20/05/2015, dư nợ gốc bà H còn nợ là 21.766.051 đồng và lãi suất theo thỏa thuận của hợp đồng. Nên công ty yêu cầu chị H phải trả số tiền nợ và lãi theo thỏa thuận là có căn cứ.

[3] Về lãi suất: Theo hợp đồng tín dụng số 2W001077243, ngày 27 tháng 11 năm 2013, Công ty H và bà Dương Thị Lệ H đã ký kết lãi suất 4.67%/tháng, tính đến ngày 20/5/2024 bà H còn nợ tiền lãi của công ty H với số tiền như sau: Lãi trong hạn là 5.975.704 đồng; lãi quá hạn là 3.935.973 đồng.

Xét thấy Công ty H là tổ chức tín dụng phi ngân hàng được thành lập, hoạt động và thuộc đối tượng điều chỉnh theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng do đó cần áp dụng mức lãi suất theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Công ty H và bà H đã thống nhất tự nguyện thỏa thuận mức lãi suất theo hợp đồng vay vốn đã giao kết, bà H đã được tổng đạt hợp lệ nhưng không có ý kiến đối với yêu cầu của Công ty H, không có yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó Công ty H yêu cầu bà H phải thanh toán nợ lãi theo thỏa thuận đã giao kết là phù hợp theo quy định tại Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017 và Điều 7, khoản 2 Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử buộc bà H phải thanh toán cho Công ty H số nợ tạm tính đến ngày 20/5/2024, cụ thể: Nợ gốc là 21.766.051 đồng; lãi trong hạn là 5.975.704 đồng; lãi quá hạn là 3.935.973 đồng. Tổng số tiền là 31.677.728 đồng (Ba mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Do yêu cầu của nguyên đơn Công ty tài chính TNHH H được Tòa án chấp nhận nên buộc bị đơn bà Dương Thị Lệ H phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là  $31.677.728đ \times 5\% = 1.583.886$  đồng (*Một triệu năm trăm tám mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi sáu đồng*).

Hoàn trả cho đơn Công ty H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 792.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005629 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 385 và Điều 463, khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Căn cứ Điều 7, Điều 8 của Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H đối với bà Dương Thị Lệ H.

Buộc bà Dương Thị Lệ H phải thanh toán cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H số tiền nợ tính đến ngày 29/5/2024 như sau: Nợ gốc là 21.766.051 đồng; lãi trong hạn là 5.975.704 đồng; lãi quá hạn là 3.935.973 đồng. Tổng số tiền phải thanh toán là 31.677.728 đồng (Ba mươi một triệu, sáu trăm bảy mươi bảy ngàn, bảy trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

2. Về án phí: Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H đã nộp là 792.000 đồng (bảy trăm chín mươi hai nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005629 ngày 16/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Buộc bà Dương Thị Lệ H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 1.583.886 đồng (*Một triệu năm trăm tám mươi ba ngàn, tám trăm tám mươi sáu đồng*).

3. Về quyền kháng cáo: Công ty Tài chính Trách nhiệm hữu hạn H, bà Dương Thị Lệ H có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Giồng Riềng;
- CCTHADS huyện Giồng Riềng;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Ngọc Luân**